

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công V - Phó Chủ tịch thành phố Q, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Phan Tiến D - Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

2- Ủy ban nhân dân phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Chí T - Chủ tịch UBND phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

3- Công ty Cổ phần tập đoàn H (Tên cũ: Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc H), trú tại: thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình T - Chức vụ: Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Mai M, trú tại: phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

4- Anh Lê Đình Minh T, sinh năm 1994;

5- Cháu Lê Thị Thanh T, sinh năm 2005;

6- Chị Lê Thị Huỳnh T, sinh năm 1992;

Đồng trú tại: T 2, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, đều vắng mặt.

7- Bà Lê Thị Tường V, sinh năm 1977; trú tại: thành phố Q, tỉnh Bình Định, có mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Huỳnh Thị Bích T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện bà Huỳnh Thị Bích T và người đại diện theo ủy quyền của bà T và ông Trần Duy Tân thống nhất trình bày:

Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 4909/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị Bích T, bà Lê Thị Tường V; hủy một phần Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị Bích T, bà Lê Thị Tường V; yêu cầu xem xét bồi thường, hỗ trợ tái định cư thỏa đáng theo quy định của pháp luật về đất đai. Ngoài yêu cầu khởi kiện nói trên thì bà T không có yêu cầu khởi kiện nào khác.

Về nguồn gốc thửa đất mà bà T với bà V thực hiện việc khiếu nại: Theo bà T được biết thì thửa đất số 178, tờ bản đồ số 10 (theo bản đồ đo đạc năm 2012) tại phường G có nguồn gốc là bà V mua của ông Đặng Y. Việc bà V mua đất của ông Y như thế nào bà T không biết.

Sau đó bà V đã chuyển nhượng cho bà T một phần thửa đất nói trên với diện tích là 80m², hai bên có viết giấy tay đề ngày 10/3/2004 (không có xác nhận của chính quyền địa phương). Phần hiện trạng đất mà bà V đã chuyển nhượng cho bà T gồm có: ½ căn nhà cấp 4 diện tích 22,5m²; phần đất bên bà V có hồ ga, chuồng heo và một số cây ăn quả; phần đất bên bà T là có giếng nước và một số cây ăn quả. Ranh giới giữa thửa đất của bà T với bà V như sau: Phần đất trống không có nhà thì giăng kẽm gai để phân chia thành hai phần; phần nhà của bà T xây tường gạch chia đôi ngôi nhà để hai bên sử dụng riêng biệt.

Sau khi bà T mua nhà đất của bà V, vợ chồng bà T đến ở liền và sửa chữa lại phần nhà; cụ thể: Do chồng bà T là thợ hồ nên vợ chồng bà T tự mua vật liệu, tự sửa chữa; vợ chồng bà có xây thêm 01 cái phòng nối liền với phần nhà đã mua của bà V, xây thêm 01 mái hiên có lợp tole. Khi vợ chồng bà T xây dựng, sửa chữa nhà không có xin phép chính quyền địa phương, vợ chồng bà T tự sửa chữa nhà trong 01 tháng, không có thuê thợ.

Vợ chồng bà T ở tại đó từ khi mua đất của bà V cho đến đầu năm 2007, chồng bà T chết nên bà T về lại P, T để sống cùng với mẹ chồng. Sau đó mẹ chồng bà T cho bà T một khoảnh đất với diện tích khoảng 120m², bà T xây dựng nhà và sinh sống trên khoảnh đất đó cho đến nay. Từ sau khi bà T về lại T, thửa đất nói trên vẫn để nguyên hiện trạng, bà T và các con chỉ lui tới trông coi đất và nhà. Vào năm 2009, bà T và các con có xuống ở và do nhà xuống cấp nên có xin phép chính quyền địa phương cho sửa chữa lại nhà ở nhưng chính quyền địa phương không đồng ý; sau đó bà T và con về lại T ở cho đến khi Nhà nước thu hồi đất.

Bà T xác định là vợ chồng bà T không có hộ khẩu tại phường G và cũng không thuộc trường hợp là hộ sản xuất nông nghiệp trực tiếp tại địa phương.

Về diện tích đất bị thu hồi, bà T thống nhất diện tích bị thu hồi là 175,9m² thuộc toàn phần thửa đất số 178, tờ bản đồ số 10 (theo bản đồ đo đạc năm 2012) tại phường G theo Quyết định số 11476/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố Q.

Về phần nhà cửa, công trình, cây cối, hoa màu có trên đất bà T thống nhất như biên bản kiểm kê do Tổ công tác bồi thường lập ngày 02/10/2012. Bà T thống nhất với giá trị bồi thường phần nhà cửa, công trình, cây cối, hoa màu có trên đất. Bà T không đồng ý với việc bồi thường về đất và yêu cầu hỗ trợ tái định cư, do đó bà T khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố Q; ngày 29/7/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q ban hành Quyết định số 4909/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị Bích T và bà Lê Thị Tường V, không đồng ý với một phần của quyết định trên, bà T khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định; ngày 17/02/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 453/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị Bích T và bà Lê Thị Tường V. Không đồng ý với

quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định bà T khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định yêu cầu hủy một phần Quyết định số 4909/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị Bích T, bà Lê Thị Tường V; hủy một phần Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị Bích T, bà Lê Thị Tường V; yêu cầu xem xét bồi thường, hỗ trợ tái định cư thỏa đáng theo quy định của pháp luật về đất đai.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính, bản sao các quyết định hành chính bị kiện, bà Huỳnh Thị Bích T còn cung cấp cho Tòa một số tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, bà T không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác và không có yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Người bị kiện:

1- *Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định: Đại diện theo ủy quyền, ông Trần Châu - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất mà bà Huỳnh Thị Bích T khiếu nại theo bản đồ năm 2001 thuộc một phần thửa đất số 57, tờ bản đồ số 10, diện tích cả thửa là 1.407,9m², loại đất D (cây ăn quả), chủ sử dụng: Ông Đặng Y (chiếm dụng đất nghĩa địa trồng cây ăn quả trước năm 2001; ông Đặng Y có nhà ở ổn định tại tổ 23C, khu vực 5, phường G, thành phố Q. Hộ ông Đặng Y là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp, ông Đặng Y chết năm 2006 và vợ là bà Lương Thị N chết năm 2017.

Ngày 09/3/2004, ông Đặng Y chuyển nhượng đất hoa màu cho bà Lê Thị Tường V với diện tích 176m² bằng giấy viết tay không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền; bà V chuyển nhượng lại đất hoa màu cho bà Huỳnh Thị Bích T bằng giấy viết tay ghi ngày 10/3/2004 với diện tích 80m², không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Tại thời điểm kiểm kê thu hồi đất năm 2016 trên đất có nhà diện tích khoảng 11,2m² (bà V khai: bà và bà Huỳnh Thị Bích T sử dụng chung, bà T không có ý kiến gì), nhà trên đất xây dựng sau năm 2008 trước ngày 27/02/2012 (ngày quy hoạch dự án) vì theo bản đồ hồ điều hòa được UBND tỉnh Bình Định ký duyệt ngày 16/6/2004 thể hiện đất trống vào năm 2008, bà Lê Thị Tường V có đơn kê khai tình hình sử dụng đất theo Quyết định 15 của UBND tỉnh; UBND phường có biên bản họp xét ghi: Đất trống. Trên đất có giếng nước do ông Đặng Y tự đào để tưới cây, tại thời điểm thu hồi đất có nhiều hộ đang sử dụng chung giếng nước này. Bà Huỳnh Thị Bích T không ở tại thửa đất này.

Về bồi thường, hỗ trợ:

Ngày 30/12/2016, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 11476/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà Lê Thị Tường V và bà Huỳnh Thị Bích T thuộc toàn phần thửa đất số 178, tờ bản đồ số 10, diện tích 175,9m² (theo đo đạc

bản đồ năm 2012), phường G, thành phố Q để thực hiện dự án xây dựng khu dân cư H, giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Lê Thị Tường V, bà Huỳnh Thị Bích T được UBND thành phố Q phê duyệt với tổng giá trị bồi thường hỗ trợ là 64.581.036đ, cụ thể:

- Bồi thường 175,9m² đất nông nghiệp, đơn giá 58.000đ/m² với số tiền 10.202.200đ.

- Hỗ trợ đất nông nghiệp: Áp dụng Văn bản số 4992/UBND-TH ngày 29/11/2013 của UBND tỉnh: “Các hộ nhận chuyển nhượng, tặng cho đất từ chủ cũ thì được hỗ trợ theo chủ cũ”. Hộ ông Đặng Y có đất nông nghiệp bị thu hồi được tính hỗ trợ tự chuyển đổi nghề nghiệp và đào tạo việc làm. Do đó, bà Lê Thị Tường V và bà Huỳnh Thị Bích T được hỗ trợ tự chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm, diện tích 175,9m², đơn giá 116.000đ/m² với số tiền là 20.404.400đ.

- Bồi thường cây cối với số tiền 10.519.300đ.

- Hỗ trợ nhà (N8, diện tích 11,2m²), vật kiến trúc (sân xi măng, giếng, hồ ga 1,2m²) với số tiền 23.455.136đ.

- Về tái định cư: Đất thu hồi của bà Lê Thị Tường V và bà Huỳnh Thị Bích T không đủ điều kiện bồi thường đất ở, UBND phường G xác nhận hộ bà Lê Thị Tường V và bà Huỳnh Thị Bích T không ở tại vị trí đất thu hồi nên không đủ điều kiện xem xét giao đất tái định cư theo quy định tại Điều 30 Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định.

Không đồng ý với việc UBND thành phố Q không xem xét giao đất tái định cư, bà Lê Thị Tường V và bà Huỳnh Thị Bích T khiếu nại đến UBND thành phố Q, ngày 29/7/2019 Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 4909/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Lê Thị Tường V và bà Huỳnh Thị Bích T với nội dung không công nhận nội dung khiếu nại của bà V và bà T. Không đồng ý với quyết định của UBND thành phố Q, bà V và bà T khiếu nại đến UBND tỉnh Bình Định. Ngày 17/02/2020, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 453/QĐ-UBND với nội dung không công nhận việc khiếu nại của bà V và bà T công nhận Quyết định số 4909/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q là đúng quy định của pháp luật.

Do đó, việc ban hành Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị Bích T, bà Lê Thị Tường V là đúng với quy định của pháp luật, do đó bà T yêu cầu hủy một phần quyết định trên là không có cơ sở.

2- UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định; Chủ tịch UBND thành phố Q Nhơn, tỉnh Bình Định: Đại diện theo ủy quyền, ông Nguyễn Công Vĩnh - Phó Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định trình bày:

Theo hồ sơ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu dân cư H, bà Huỳnh Thị Bích T kê khai có đất bị ảnh hưởng tại tổ 23D, khu vực 05, phường G. Hồ

sơ kỹ thuật thửa đất đo vẽ năm 2012 xác lập chung thửa đất với bà Lê Thị Tường V tại thửa đất số 178, tờ bản đồ số 10 có diện tích 175,9m² thuộc diện giải tỏa trắng.

UBND phường G xác nhận nguồn gốc đất nghĩa địa, ông Đặng Y (là hộ nông nghiệp) chiếm dụng trồng cây ăn quả trước năm 1987 bán lại cho bà Lê Thị Tường V theo giấy viết tay ghi ngày 09/3/2004 (không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền). Bản đồ năm 2001 thuộc 01 phần thửa đất số 57, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.407,9m², loại đất màu, chủ sử dụng Đặng Y.

Biên bản kiểm kê năm 2012 thể hiện trên đất thu hồi có nhà 11,2m² (mái tole, tường xây gạch, nền xi măng). UBND phường G xác nhận công trình này xây dựng sau năm 2008, không có vật dụng sinh hoạt, không có người ở. Hiện trạng hiện nay căn nhà này không còn (chỉ còn phần móng).

UBND thành phố phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chung đối với bà Lê Thị Tường V và bà Huỳnh Thị Bích T tại các Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 21/4/2014, số 4060/QĐ-UBND ngày 13/7/2015 và số 4176/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 như sau:

- Bồi thường đất nông nghiệp đối với diện tích đất thu hồi 175,9m², đơn giá 58.000 đồng/m²;

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm đối với diện tích đất thu hồi 175,9m², đơn giá 116.000 đồng/m² (tính theo chính sách của chủ cũ theo văn bản số 4992/UBND-TH ngày 29/11/2013 và văn bản số 2096/UBND-TH ngày 30/5/2016 của UBND tỉnh);

- Bồi thường cây cối;

- Hỗ trợ 80% giá trị nhà N8, vật kiến trúc (sân xi măng, giếng bông, hố ga); Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 64.581.036 đồng.

Về tái định cư: Xét diện tích đất thu hồi của bà Lê Thị Tường V và bà Huỳnh Thị Bích T không đủ điều kiện bồi thường đất ở, đất thu hồi là đất nông nghiệp và thực tế hai bà cũng không ở tại thửa đất này nên không đủ điều kiện giao đất tái định cư theo quy định tại Điều 30 Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định.

Bà Lê Thị Tường V và bà Huỳnh Thị Bích T có đơn khiếu nại, yêu cầu giao đất tái định cư. Căn cứ hồ sơ vụ việc, xét kết quả xác minh và đề xuất của Thanh tra thành phố tại Báo cáo số 125/BC-TCT ngày 10/6/2019. Ngày 29/7/2019, Chủ tịch UBND thành phố ký ban hành Quyết định số 4909/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Tường V và bà Huỳnh Thị Bích T, theo đó không công nhận nội dung đơn của hai bà khiếu nại yêu cầu giao đất tái định cư.

Như vậy, việc thu hồi đất của bà Lê Thị Tường V và bà Huỳnh Thị Bích T, UBND thành phố đã giải quyết chính sách bồi thường, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại đúng quy định. Bà Huỳnh Thị Bích T yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết

định số 4909/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q và yêu cầu bồi thường, hỗ trợ, giao đất tái định cư thỏa đáng cho bà Huỳnh Thị Bích T là không có cơ sở giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- *Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q: Đại diện theo pháp luật ông Đặng Phan Tiến D - Phó giám đốc phụ trách Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q, tỉnh Bình Định trình bày:*

Thông nhất như phần trình bày của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định; Chủ tịch UBND thành phố Q; UBND thành phố Q; ngoài ra, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q không có ý kiến hay trình bày nào khác.

2- *UBND phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định: Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Chí T - Chủ tịch UBND phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định trình bày:*

Thông nhất như phần trình bày của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định; Chủ tịch UBND thành phố Q; UBND thành phố Q; ngoài ra, UBND phường G không có ý kiến hay trình bày nào khác.

3- *Công ty cổ phần tập đoàn H:*

Người đại diện theo ủy quyền bà Phạm Thị Mai H trình bày:

Dự án khu dân cư H, phường G, thành phố Q (Dự án) được UBND tỉnh Bình Định đồng ý chủ trương giao Công ty cổ phần tập đoàn H là chủ đầu tư thực hiện tại Văn bản số 1722/UBND-KTN ngày 08/6/2011.

Dự án đã được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500 tại Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 09/01/2012; phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 tại các Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 03/7/2013; Quyết định số 3925/QĐ-UBND ngày 07/4/2016 với mục tiêu quy hoạch xây dựng khu dân cư hiện đại, đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, kết hợp với chỉnh trang đô thị gắn liền với kiến trúc cảnh quan với khu vực xung quanh, làm cơ sở để quản lý quy hoạch xây dựng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bích T, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Tập đoàn H - chủ đầu tư dự án.

4- Bà Lê Thị Tường V, anh Lê Đình Minh T, chị Lê Thị Huỳnh T và cháu Lê Thị Thanh T thống nhất như phần trình bày và yêu cầu của bà Huỳnh Thị Bích T. Ngoài ra, bà Lê Thị Tường V, anh Lê Đình Minh T, chị Lê Thị Huỳnh T và cháu Lê Thị Thanh T không có trình bày hay yêu cầu nào khác.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2020/HC-ST ngày 21 tháng 10 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

- Căn cứ vào quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157; Điều 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

- Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại năm 2011; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013; Luật đất đai năm 2003; Nghị quyết số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ; Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định.

- Căn cứ quy định tại Điều 29 Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bích T yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 4909/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị Bích T (thường trú tại: thôn T 2, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định), bà Lê Thị Tường V (HKTT: tổ 5, khu vực 2, phường Lý Thường Kiệt, địa chỉ liên hệ: 371B Nguyễn Huệ, phường Trần Phú, thành phố Q, tỉnh Bình Định; hủy một phần Quyết định 453/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị Bích T (thường trú tại: thôn T 2, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định), bà Lê Thị Tường V (HKTT: tổ 5, khu vực 2, phường Lý Thường Kiệt, địa chỉ liên hệ: 371B Nguyễn Huệ, phường Trần Phú, thành phố Q, tỉnh Bình Định và yêu cầu xem xét bồi thường, hỗ trợ tái định cư thỏa đáng theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 02/11/2020, người khởi kiện bà Huỳnh Thị Bích T có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Huỳnh Thị Bích T giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bà T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T hủy bỏ một phần Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và hủy bỏ một phần Quyết định số 4909/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định và yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định bồi thường, hỗ trợ cấp đất tái

định cư cho bà Huỳnh Thị Bích T để bảo vệ quyền lợi chính đáng cho bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Huỳnh Thị Bích T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguồn gốc thửa đất có diện tích 175,9m² mà bà Huỳnh Thị Bích T khiếu nại thì theo bản đồ năm 2001 thuộc một phần thửa đất số 57, tờ bản đồ số 10, diện tích cả thửa là 1.407,9m², loại đất Q (cây ăn quả), chủ sử dụng ông Đặng Y (chiếm dụng đất nghĩa địa trồng cây ăn quả trước năm 2001). Ông Đặng Y có nhà ở ổn định tại tổ 23C, khu vực 5, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Hộ ông Đặng Y là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp (ông Đặng Y chết năm 2006 và bà Lương Thị N chết năm 2017).

Ngày 09/3/2004, ông Đặng Y, bà Lương Thị N lập giấy sang nhượng đất hoa màu cho bà Lê Thị Tường V với diện tích 176m² bằng giấy viết tay, không có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ngày 10/3/2004, bà Lê Thị Tường V lập giấy sang nhượng đất hoa màu cho vợ chồng bà Huỳnh Thị Bích T với diện tích 80m², không có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ngày 03/6/2008, bà Huỳnh Thị Bích T có đơn kê khai tình hình sử dụng đất theo Quyết định 15 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, Ủy ban nhân dân phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định có biên bản họp xét ghi là đất trống (chung tờ khai với bà V).

Tại thời điểm kiểm kê thu hồi đất năm 2016 thì trên đất có nhà diện tích khoảng 11,2m², nhà trên đất sử dụng sau năm 2008...

Ngày 30/12/2016, Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 11476/QĐ-UBND về việc thu hồi của hộ bà Lê Thị Tường V - Huỳnh Thị Bích T để thực hiện dự án xây dựng khu dân cư H, thành phố Q (đợt 12). Thu hồi của bà V và bà T 175,9m² đất...

Bà T và bà V khiếu nại yêu cầu giao cho mỗi người 01 lô đất tái định cư do bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng dự án khu dân cư H, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Ngày 29/7/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 4909/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị Bích T (thường trú tại thôn T 2, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định), bà Lê Thị Tường V (hộ khẩu thường trú: Tổ 5, khu vực 2, phường L; địa chỉ liên hệ: thành phố Q) (lần đầu) Không chấp nhận nội dung đơn của bà Huỳnh Thị

Bích T, bà Lê Thị Tường V. Không đồng ý quyết định nói trên, bà T và bà V tiếp tục khiếu nại.

Ngày 17/02/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 453/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị Bích T (thường trú tại thôn T 2, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định), bà Lê Thị Tường V (hộ khẩu thường trú: Tổ 5, khu vực 2, phường L; địa chỉ liên hệ: thành phố Q) (lần hai) Không công nhận nội dung khiếu nại của bà Huỳnh Thị Bích T, bà Lê Thị Tường V. Công nhận Quyết định số 4909/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại đối với bà Huỳnh Thị Bích T và bà Lê Thị Tường V là đúng quy định của pháp luật.

Do đất bà T mua của bà V, bà V mua của ông Đặng Y là đất nghĩa địa, đất màu, không có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Bà T không ở tại thửa đất này, không có hộ khẩu tại thửa đất này. Tại thời điểm kiểm kê không có người ở, không có vật dụng sinh hoạt, hiện nay căn nhà không còn (chỉ còn phần móng). Căn cứ Điều 30 Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định thì hộ bà T không đủ điều kiện xét giao đất tái định cư. Vì vậy, bản án hành chính sơ thẩm của TAND tỉnh Bình Định bác toàn bộ nội dung khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bích T về việc hủy một phần Quyết định số 4909/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định, Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và yêu cầu xem xét bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của bà T là có căn cứ, đúng pháp luật nên bác kháng cáo của người khởi kiện bà Huỳnh Thị Bích T và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện bà Huỳnh Thị Bích T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Các phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Huỳnh Thị Bích T và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 30; 32; 116; 157; 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Luật đất đai năm 2003 và năm 2013; Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 và Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ; Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ nội dung khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bích T về việc yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 4909/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị Bích T (thường trú tại thôn T 2, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định), bà Lê Thị Tường V (HKTT: Tổ 5, khu vực 2, phường L, địa chỉ liên hệ: thành phố Q, tỉnh Bình Định) (lần đầu); hủy một phần Quyết định 453/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị Bích T (thường trú tại thôn T 2, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định), bà Lê Thị Tường V (HKTT: Tổ 5, khu vực 2, phường L, địa chỉ liên hệ: thành phố Q, tỉnh Bình Định) (lần hai) và yêu cầu xem xét bồi thường, hỗ trợ tái định cư thỏa đáng theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Bích T phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm. Được trừ 300.000đ bà T đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003959 ngày 11/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, phần án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- Dương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án (ĐTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm